Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN
Giờ ký: 2026-08-06T10:09:25.2837980+07:00
Địa điểm:
Lý do:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2026/NQ-HĐND	*Bắc Ninh, ngày 16 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 281/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 -2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khóa XX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Việt Oanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chế độ và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là HĐND tỉnh), Hội đồng nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là HĐND cấp xã) tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND các cấp; cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại cơ quan tham mưu giúp việc, phục vụ HĐND các cấp tỉnh Bắc Ninh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc chi phục vụ đoàn công tác; đoàn giám sát, khảo sát; các hội nghị, hội thảo của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và cá nhân các cơ quan có liên quan khi tham gia đoàn công tác; đoàn giám sát, khảo sát; các hội nghị, hội thảo của HĐND do HĐND cấp nào triệu tập thì cấp đó đảm bảo kinh phí để thực hiện.

2. Các nội dung chi đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tại Quy định này do ngân sách nhà nước bảo đảm được bố trí trong dự toán chi hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và được thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí được phân bổ đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng đối tượng, nội dung chi; thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung chi và mức chi cụ thể

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
I	**Chi phục vụ kỳ họp HĐND**			
1	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp HĐND			
-	Chủ tọa	Nghìn đồng /người/buổi	500	300
-	Thư ký	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
-	Đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
-	Khách mời; Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã phục vụ trực tiếp kỳ họp; phóng viên	Nghìn đồng /người/buổi	200	100
2	Chi bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu kỳ họp cho đại biểu			
-	Đại biểu Trung ương	Nghìn đồng /người/kỳ họp	1.000	
-	Đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/kỳ họp	500	300
3	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời, cán bộ, công chức, phóng viên, nhân viên phục vụ kỳ họp. Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết năm, tổng kết nhiệm kỳ mức chi bằng 1,5 lần mức chi trên (trường hợp họp ½ ngày được tính như 01 ngày)	Nghìn đồng /người/ngày	400	300
4	Chế độ phòng nghỉ, nước uống	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành		
II	**Chi phục vụ các phiên họp của Thường trực HĐND; họp thẩm tra của các Ban HĐND; thẩm định của Đảng ủy HĐND; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh; họp tham vấn ý kiến nhân dân**			
-	Chủ trì	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
-	Thư ký, đại biểu mời dự họp, khách mời; Cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã phục vụ trực tiếp cuộc họp; phóng viên.	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
-	Người lao động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp xã phục vụ trực tiếp cuộc họp.	Nghìn đồng /người/buổi	100	100

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
III	**Chi hoạt động giám sát, khảo sát**			
1	Chi xây dựng văn bản			
a	Xây dựng văn bản phục vụ hoạt động giám sát			
-	Xây dựng kế hoạch, quyết định của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000
-	Xây dựng đề cương giám sát	Nghìn đồng /văn bản	3.000	1.500
-	Xây dựng báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát	Nghìn đồng /văn bản	3.000	1.500
-	Xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung	Nghìn đồng /văn bản	4.000	2.000
b	Xây dựng văn bản phục vụ hoạt động khảo sát chuyên đề			
-	Xây dựng đề cương khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	3.000	1.500
-	Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Nghìn đồng /văn bản	3.000	1.500
2	Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát			
-	Trưởng đoàn, phó đoàn khảo sát, giám sát	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
-	Thành viên đoàn khảo sát, giám sát; thành phần mời tham gia Đoàn; chuyên viên giúp việc; Phóng viên	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
-	Lái xe, nhân viên phục vụ	Nghìn đồng /người/buổi	100	100
3	Chi thuê chuyên gia góp ý phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra (đối với cuộc giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND do Chủ tịch HĐND quyết định; đối với cuộc giám sát, khảo sát, thẩm tra của các Ban do Trưởng Ban của HĐND quyết định)	Nghìn đồng người/văn bản	1.500	1.000
IV	**Chi phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri**			
1	Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND			
-	Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri: Trang trí khánh tiết, nước uống	Nghìn đồng /điểm/lần	3.000	2.000
-	Hỗ trợ thăm hỏi các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nơi tiếp xúc cử tri (do Thường trực HĐND quyết định)	Nghìn đồng /điểm/lần	2.000	1.000
2	Chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri			
-	Đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/năm	5.000	3.000

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã phục vụ trực tiếp cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND	Nghìn đồng /người/đợt	500	300
-	Đại diện chính quyền, tổ chức, đoàn thể tại nơi tiếp xúc cử tri; phóng viên được phân công tham dự, đưa tin hội nghị	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
-	Lái xe, nhân viên phục vụ	Nghìn đồng /người/buổi	100	100
3	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri của các Tổ đại biểu	Nghìn đồng/báo cáo	1.000	500
4	Xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri chung của Thường trực HĐND	Nghìn đồng/văn bản	1.000	500
5	Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân qua đường dây nóng tại kỳ họp thường lệ HĐND	Nghìn đồng/văn bản	500	Do TT HĐND cấp xã quyết định theo dự toán được giao
V	**Chi công tác xây dựng và ban hành văn bản (chỉ áp dụng đối với các Nghị quyết hành chính)**			
1	Xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND			
-	Xây dựng, soạn thảo Tờ trình, dự thảo nghị quyết của Thường trực HĐND trình kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /Tờ trình, Nghị quyết	3.000	1.500
-	Xây dựng chương trình điều hành kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000
-	Xây dựng kịch bản điều hành chất vấn và trả lời chất vấn	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000
-	Xây dựng báo cáo tập hợp ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Tổ và thảo luận tại hội trường	Nghìn đồng /báo cáo	1.500	1.000
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận chung của đại biểu HĐND trình kỳ họp	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.500
-	Xây dựng báo cáo tóm tắt kỳ họp phục vụ đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.500
-	Tổng hợp các ý kiến chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /văn bản	1.000	500
-	Rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi đã được HĐND thông qua tại kỳ họp	200.000 đồng/01 trang A4	Tối đa không quá 2.000/nghị quyết	Tối đa không quá 1.000/nghị quyết

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND định kỳ trình kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	3.000	1.500
-	Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND (05 năm) của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	5.000	2.000
-	Xây dựng biên bản tóm tắt kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000
-	Xây dựng báo cáo thẩm định của Đảng ủy HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	3.000	Không quy định
2	Xây dựng thông báo, kết luận phiên họp của Thường trực HĐND	Nghìn đồng /văn bản	2.000	1.000
3	Xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban của HĐND; báo cáo thẩm tra các nội dung phát sinh giữa 2 kỳ họp do UBND trình Thường trực HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	3.000	2.000
4	Hỗ trợ các bài thảo luận tại Hội trường các kỳ họp HĐND	Nghìn đồng /bài	2.000	1.000
5	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành	Nghìn đồng /báo cáo	1.500	1.000
6	Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri của Thường trực HĐND trình HĐND	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.000
7	Chi hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân			
a)	Hoạt động điều tra xã hội học			
-	Lập mẫu phiếu điều tra	Nghìn đồng /mẫu phiếu	800	500
-	Chi trả thù lao người cung cấp thông tin	Nghìn đồng /mẫu phiếu	50	30
-	Chi trả thù lao người đi điều tra	Nghìn đồng /mẫu phiếu	20	10
b)	Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham vấn	Nghìn đồng /báo cáo	2.000	1.000
8	Mức chi viết bài phản biện, tham gia ý kiến, đánh giá tác động của văn bản mới theo yêu cầu của Thường trực HĐND	Nghìn đồng /bài	1.000	700
9	Hỗ trợ cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND kinh phí xây dựng các nghị quyết của HĐND	Mức chi do TT HĐND tỉnh quyết định	tối đa không quá 500.000 đồng/nghị quyết	tối đa không quá 300.000 đồng/nghị quyết
10	Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo	Nghìn đồng /báo cáo	1.500	1.000

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
VI	**Một số chế độ hỗ trợ điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND**			
1	Hoạt động phí đại biểu HĐND	Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội		
2	Chế độ của đại biểu HĐND trong 01 nhiệm kỳ			
-	Đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền may 02 bộ trang phục	Nghìn đồng/bộ	8.000	5.000
-	Đại biểu HĐND được hỗ trợ mua 01 máy vi tính (hoặc Ipad)	Nghìn đồng/chiếc	20.000	20.000
-	Được cấp đầu nhiệm kỳ một số dụng cụ để phục vụ hoạt động đại biểu HĐND (cặp da, sổ ghi chép, phù hiệu)	Nghìn đồng /người	3.000	1.500
-	Đại biểu HĐND được cấp Báo đại biểu Nhân dân		Theo dự toán ngân sách được giao hằng năm	Theo dự toán ngân sách được giao hằng năm
-	Đại biểu HĐND được chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng	Nghìn đồng /người/năm	8.000	5.000
-	Đại biểu HĐND được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND (chi bằng tiền mặt hoặc hiện vật)	Nghìn đồng /người	3.000	3.000
3	Hỗ trợ văn phòng phẩm; phí khai thác internet; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu			
-	Đại biểu chuyên trách	Nghìn đồng /người/tháng	1.000	700
-	Đại biểu kiêm nhiệm; Cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu và phục vụ hoạt động HĐND	Nghìn đồng /người/tháng	500	300
4	Hỗ trợ Lãnh đạo và Chuyên viên thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã trực tiếp tham mưu và phục vụ hoạt động HĐND			
-	Được trang bị 01 máy vi tính (hoặc ipad)	Nghìn đồng/chiếc	20.000	20.000
-	Hỗ trợ Lãnh đạo và Chuyên viên, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp xã trực tiếp tham mưu và phục vụ hoạt động HĐND may 01 bộ trang phục.	Nghìn đồng /người/nhiệm kỳ	8.000	5.000
-	Được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND (chi bằng tiền mặt hoặc hiện vật)	Nghìn đồng /người/lần	3.000	3.000

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
VII	**Chi hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh**			
1	Hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND (đối nội, đối ngoại, chi khác)	Nghìn đồng/năm	200.000	100.000
2	Hỗ trợ hoạt động các Tổ đại biểu HĐND	Nghìn đồng/năm	30.000	20.000
VIII	**Chi cho công tác xã hội**			
1	Chế độ tặng quà cho đối tượng, gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác do thường trực HĐND quyết định	Nghìn đồng/năm	200.000	Không quy định
2	Chế độ thăm hỏi ốm đau đối với đại biểu HĐND đương nhiệm			
-	Khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi (không quá 02 lần/người/năm)	Nghìn đồng /người/lần	2.000	1.000
-	Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì được chi trợ cấp 1 lần	Nghìn đồng /người/lần	5.000	2.000
3	Chi thăm viếng (vòng hoa thanh toán theo thực tế)			
-	Đại biểu HĐND đương nhiệm từ trần được phúng viếng	Nghìn đồng/lần	3.000	2.000
-	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con đẻ; con nuôi hợp pháp của đại biểu HĐND đương nhiệm.	Nghìn đồng/lần	2.000	1.000